

Bản án số: 64/2024/HS-ST
Ngày 19-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;
2. Ông Lê Văn Rễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Kiều Tranh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 03-6-2024 đối với bị cáo:

Trần Minh H, sinh năm: 1983, tại: tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: **Tổ C, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh**; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Trần Văn L** và bà **Lâm Thị K**; Em ruột: Có 01 người; Vợ: **Lê Mỹ D**; Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01/2023, **Trần Minh H** đi làm mướn tại **Thị xã T, tỉnh Tây Ninh** chung với một người đàn ông tên **T** (không rõ lai lịch). Lúc này, **H** biết **T** đang đặt mua giấy phép lái xe giả nên **H** nhờ **T** đặt mua dùm 01 giấy phép lái xe giả hạng A1 với giá 800.000 đồng, thì **T** đồng ý. Sau đó, **H** cung cấp cho **T**

thông tin cá nhân và hình ảnh kèm theo. Khoảng 01 tháng sau, nhân viên **Bưu điện huyện B** gọi điện thoại và yêu cầu **H** đến nhận bưu phẩm trong đó là 01 giấy phép lái xe giả. Đến ngày 03/6/2023, **H** điều khiển xe mô tô biển số 70C1-271.81 đến khu vực **khu phố B, Thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh** thì bị lực lượng Cảnh sát Giao thông – Trật tự **Công an huyện B** dừng xe kiểm tra nồng độ cồn và yêu cầu xuất trình giấy tờ có liên quan. Quá trình kiểm tra nồng độ cồn, **H** có hành vi vi phạm điều khiển xe trên đường mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí thở và không mang theo giấy phép lái xe nên bị **Công an huyện B** xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền 2.650.000 đồng. Đến ngày 05/6/2023, **H** đến Đội Cảnh sát Giao thông – Trật tự **Công an huyện B** cung cấp 01 giấy phép lái xe hạng A1, **số G**, mang tên **Trần Minh H**. Cùng ngày 05/6/2023, lực lượng Cảnh sát Giao thông – Trật tự **Công an huyện B** tạm giữ giấy phép lái xe của **H** để điều tra làm rõ. Ngày 14/3/2024, **D** – Trật tự **Công an huyện B** chuyển hồ sơ cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B**, tỉnh Tây Ninh để điều tra theo thẩm quyền.

* Tại Kết luận giám định số 1915/KL ngày 15/12/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh T**, kết luận: “GIẤY PHÉP LÁI XE”, số: 790230141235, họ tên: **TRẦN MINH HÙNG**, ngày sinh: 01/01/1983, nơi cư trú: **B, X. T, H. B, T. T**, ngày 24 tháng 02 năm 2023 gửi giám định là Giấy phép lái xe giả.

* Kết quả thu giữ vật chứng: 01 (một) giấy phép lái xe giả, số 790230141235, họ tên: **Trần Minh H**.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu đã truy tố bị cáo **Trần Minh H** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, 47 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Minh H** từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Phạt bổ sung từ 5.000.000 (năm triệu) đồng đến 10.000.000 (mười triệu) đồng và xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận, bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Ngày 05/6/2023, bị cáo **Trần Minh H** đã xuất trình Giấy phép lái xe hạng A1 số 790230141235 giả để đối phó với Đội Cảnh sát Giao thông – Trật tự **Công an huyện B** về hành vi điều khiển xe mô tô trên đường bộ mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định và không mang theo giấy phép lái xe thì bị phát hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về thủ tục cấp giấy phép lái xe; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, bị cáo nhận thức rõ hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả là vi phạm pháp luật, mặc dù bị cáo không thông qua kỳ sát hạch để được cấp giấy phép lái xe, bị cáo không biết rõ quy định về an toàn giao thông nhưng bị cáo lại điều khiển xe mô tô và có thể gây nguy hiểm cho những người tham gia giao thông bất cứ lúc nào nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo như sau:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt; có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 của Bộ luật Hình sự và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo

cũng đảm bảo khả năng tự cải tạo tốt và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo **Trần Minh H** có mở sổ tiết kiệm số tiền 10.000.000 đồng tại **Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B** nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Xử lý vật chứng: 01 (một) giấy phép lái xe giả, số 790230141235, họ tên: **Trần Minh H** là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

[7] Đối với người đàn ông tên **T** là người mà bị cáo **Trần Minh H** nhờ đặt mua giấy phép lái xe giả hạng A1, do không rõ nhân thân, lai lịch nên không làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[9] Do Hội đồng xét xử kết luận bị cáo có tội và bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Trần Minh H** phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo **Trần Minh H** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh** giám sát, giáo dục, gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Minh H** số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 (một) giấy phép lái xe giả, số 790230141235, họ tên: **Trần Minh H** (đã lưu vào hồ sơ).

3. Biện pháp phong tỏa tài sản: Căn cứ Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục Lệnh phong tỏa tài khoản số 249/LPT-ĐCSKTCV ngày 27/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đối với tiền gửi tại Ngân hàng N - Chi nhánh B 10.000.000 đồng trong tài khoản 5708601428170, tên khách hàng Trần Minh H để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Minh H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Nhà tạm giữ-CQCSĐT.Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vui